

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-ST

Ngày: 18-12-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-DS ngày 25/4/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2019/QĐXXST-DS ngày 29/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 21/11/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng L**; địa chỉ: Số 40, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật bà A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông P - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch huyện T.

* *Bị đơn:* Ông **N**, sinh năm 1964 và bà **Q**, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Đ**, sinh năm 1988 và chị **D**, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị **C**, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp 12, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(Đại diện nguyên đơn và chị C, chị D có mặt, bị đơn và anh Đ vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:* Ông N và bà Q có ký hợp đồng tín dụng số 0136/17/HĐTD/1009-4816 ngày 19/01/2017 với Ngân hàng L (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 80.000.000 đồng. Mục đích vay trồng khóm, trồng lúa. Giải ngân ngày 19/01/2017, thời hạn vay là 12 tháng, ngày hết hạn là 19/01/2018. Lãi suất cho vay 12,60%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng 01 lần; mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hình thức thanh toán gốc và lãi trả cuối kỳ.

Khi vay ông N, bà Q có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0136/17/HĐTC-BDS/1009-4816 ngày 19/01/2017, gồm 02 quyền sử dụng đất: quyền sử dụng đất trồng lúa, diện tích 14.804 m², thửa số 19, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 119229 cấp ngày 16/12/2015 và quyền sử dụng đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm, diện tích 3.804 m², thửa số 75, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 119230 cấp ngày 16/12/2015, đều tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, do ông N đứng tên.

Kể từ ngày nhận tiền vay cho đến nay ông N, bà Q liên tục vi phạm hợp đồng tín dụng, không thanh toán nợ. Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông N, bà Q thanh toán nợ theo thỏa thuận nhưng không thực hiện. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà Q thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu: Ông N và bà Q cùng liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 124.388.401 đồng. Trong đó: nợ gốc là 80.000.000 đồng, lãi là 44.388.401 đồng.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đ vắng mặt phiên tòa, nhưng tại biên bản ghi lời khai anh Đ có trình bày:* Anh có biết việc cha mẹ anh là ông N, bà Q thế chấp đất vay tiền tại Ngân hàng. Năm 2018 cha mẹ có cho anh phần đất ngang 07 mét, dài 16 mét để cất nhà. Anh thống nhất với khoản nợ của Ngân hàng, không có ý kiến và yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị D trình bày:* Năm 2018 ông N, bà Q có cho vợ chồng chị phần đất chiều ngang 07 mét, dài 16 mét để cất nhà. Chị không có ý kiến và yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị C trình bày:* Ông N có cô

cho chị 03 công đất bằng 30.000.000 đồng, nhưng thực tế ông N và chị chỉ thỏa thuận như vậy chứ chị không có nhận đất nên không biết đất ở vị trí nào. Chị không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu ông N không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền phát mãi đất, khi đó chị sẽ thỏa thuận với ông N, nếu không thỏa thuận được thì chị kiện ông N trong vụ án khác.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chị C, chị D đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn và anh Đ vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc và các khoản lãi đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị chấp chận yêu cầu của Ngân hàng. Chị C, anh Đ, chị D không có yêu cầu gì nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và anh Đ đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn và anh Đ đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông N và bà Q ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng L, nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về nội dung vụ án: Ông N và bà Q có ký hợp đồng tín dụng số 0136/17/HĐTD/1009-4816 ngày 19/01/2017 với Ngân hàng L vay số tiền 80.000.000 đồng; mục đích sử dụng là trồng khóm, trồng lúa; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 12,60%/năm. Để bảo đảm cho khoản vay, ông N và bà Q có ký hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 0136/17/HĐTC-BDS/1009-4816 ngày 19/01/2017, tài sản thế chấp gồm 02 quyền sử dụng đất: quyền sử dụng đất trồng lúa, diện tích 14.804 m², thửa số 19, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 119229 cấp ngày 16/12/2015 và quyền sử dụng đất ở nông thôn, trồng cây lâu

năm, diện tích 3.804 m², thửa số 75, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 119230 cấp ngày 16/12/2015, đều tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, do ông N đứng tên.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, ông N và bà Q vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ. Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

Ngân hàng khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; ông N, bà Q không có ý kiến phản bác. Do đó, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Theo đó, ông N và bà Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 124.388.401 đồng; trong đó: nợ gốc là 80.000.000 đồng, lãi là 44.388.401 đồng (lãi trong hạn 10.433.000 đồng, lãi quá hạn 30.319.500 đồng, phạt chậm trả 3.635.901 đồng). Đồng thời ông N, bà Q phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng đã ký đối với số nợ chưa thi hành kể từ ngày 19/12/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

[3] Ông N có cổ cho chị C 03 công đất giá 30.000.000 đồng và sau khi thế chấp cho Ngân hàng có cho anh Đ, chị D phần đất ngang 07 mét, dài 16 mét. Nhưng chị C, anh Đ, chị D không yêu cầu gì trong vụ án và chị C có ý kiến sẽ thỏa thuận sau với ông N. Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Do đó, sau khi án có hiệu lực mà ông N, bà Q không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông N, bà Q cùng liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 6.219.000 đồng.

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng L đối với ông N và bà Q; buộc ông N và bà Q trả cho Ngân hàng số tiền 124.388.401 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm lẻ một đồng). Trong đó: nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng); lãi trong hạn 10.433.000 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng), lãi quá hạn 30.319.500 đồng (Ba mươi triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm đồng), phạt chậm trả 3.635.901 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm lẻ một đồng).

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 19/12/2019 cho đến khi thi hành án xong. Sau khi án có hiệu lực mà ông N, bà Q không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0136/17/HĐTC-BDS/1009-4816 ngày 19/01/2017 để thu hồi nợ, tài sản gồm: quyền sử dụng đất trồng lúa, diện tích 14.804 m², thửa số 19, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 119229 cấp ngày 16/12/2015 và quyền sử dụng đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm, diện tích 3.804 m², thửa số 75, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 119230 cấp ngày 16/12/2015, đều tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, do ông N đứng tên.

2. Án phí sơ thẩm: Ông N và bà Q cùng liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 6.219.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.528.000 đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000100 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, anh Đ vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận